

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhã Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**
2. Bà **Phan Thị Mướt**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông **Phan Văn R**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn R sống chung với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đã xảy ra những bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung. Thời gian qua vợ chồng có tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm được nữa nên bà Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn R.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc C1, sinh ngày 22/4/2022 và Phan Văn Tuấn K, sinh ngày 16/4/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Phan Văn R: Đối với bị đơn ông Phan Văn R đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Căn cước công dân Nguyễn Thị C (bản photo);
- Căn cước công dân Phan Văn R (bản photo);
- Trích lục khai sinh Phan Văn Tuấn K (bản sao);
- Giấy khai sinh Phan Thị Ngọc C1 (bản sao); Trích lục cải chính hộ tịch Phan Thị Ngọc C1 (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn R, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Ông Phan Văn R mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố

tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phan Văn R và bà Nguyễn Thị C.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn R chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau thời gian chung sống thì nay bà C yêu cầu ly hôn vì cho rằng trong quá trình chung sống đã xảy ra những bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung. Thời gian qua vợ chồng có tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm được nữa nên bà Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn R. Tuy nhiên, do bà C và ông R sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử xem xét không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn R là vợ chồng theo Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc C1, sinh ngày 22/4/2022 và Phan Văn Tuấn K, sinh ngày 16/4/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, đã đi làm không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C trình bày không có, riêng ông R không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì bà C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai số 0009336 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn R là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc C1, sinh ngày 22/4/2022 và Phan Văn Tuấn K, sinh ngày 16/4/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai 0009336 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Uyên